

HÀNH VI THÔNG TIN CỦA GIẢNG VIÊN

ThS Bùi Hà Phương

Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Từ kết quả nghiên cứu hành vi thông tin của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh, bài viết nhận diện một số loại hành vi thông tin của giảng viên. Phân tích một số điểm mạnh, hạn chế trong hành vi thông tin của giảng viên và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện hành vi thông tin của giảng viên trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học.

Từ khóa: Hành vi thông tin; giảng viên; kết quả nghiên cứu; thông tin-thư viện.

Information behavior of lecturers

Abstract: Based on the research on information behavior of lecturers at universities in Ho Chi Minh City, the article identifies some common types of information behavior, analyzes the strengths and limitations of these behaviors as well as recommends solutions for lecturers to improve their information behavior in lecturing, researching and self-studying.

Keywords: Information behavior; lecturers; research result; information-library.

Đặt vấn đề

Trong môi trường giáo dục đại học, đội ngũ giảng viên là một trong những nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu của nhà trường. Giảng viên thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nhau như giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Mỗi nhiệm vụ đòi hỏi giảng viên luôn nỗ lực để đạt được mục tiêu và hiệu quả công việc, trong đó bao gồm hoạt động tìm kiếm và sử dụng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

Quá trình hình thành nhu cầu tin cũng như hoạt động tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin của giảng viên- là những biểu hiện hành vi thông tin (HVTT) của giảng viên- chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố ở các mức độ khác nhau, như: trình độ chuyên môn, quỹ thời gian, khả năng nhận diện nhu cầu tin, kỹ năng sử dụng và tìm kiếm thông tin

từ các hệ thống tìm tin,... Ngoài ra, các yếu tố khác như vai trò, yêu cầu của nhà trường đối với giảng viên cũng tác động rất lớn đến HVTT của giảng viên. Những ảnh hưởng đó hình thành đặc điểm trong HVTT của giảng viên các trường đại học nói chung, tại Tp. Hồ Chí Minh nói riêng.

Việc nhận diện những đặc điểm khác nhau, các yếu tố tác động đến HVTT của giảng viên và phác thảo mô hình HVTT của giảng viên các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh có những ý nghĩa nhất định đối với giảng viên, các trường đại học, các nguồn thông tin, trong đó thư viện đại học là một trong những nguồn thông tin quan trọng. Bài viết này cung cấp cách nhìn chi tiết hơn về HVTT của giảng viên tại một số trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh, nhận diện được những đặc trưng cơ bản về HVTT của giảng viên và đưa ra mô hình HVTT của giảng viên.

1. Nhận diện loại hành vi thông tin của giảng viên tại các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh

Việc nghiên cứu nhận dạng HVTT của giảng viên được thực hiện thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi tại 6 trường đại học công lập tại Tp. Hồ Chí Minh. Phiếu khảo sát được phát ngẫu nhiên cho giảng viên cơ hữu tại 6 trường đại học công lập theo 6 nhóm ngành, lĩnh vực trong thời gian 4 tháng. Kết quả thu được là 447 trong tổng số 600 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ thu hồi 62%. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng sử dụng kết hợp phương pháp phỏng vấn sâu giảng viên để hiểu rõ hơn về HVTT của giảng viên tại một số trường đại học tại Tp. Hồ Chí Minh.

Nội dung khảo sát và phỏng vấn sâu bao gồm: mục tiêu tìm kiếm thông tin của giảng viên, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc hình thành nhu cầu tin của giảng viên, những nguồn thông tin hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học của giảng viên; cơ sở để lựa chọn từng nguồn thông tin của giảng viên, đánh giá về mức độ sử dụng thư viện trường của giảng viên, đánh giá về mức độ đáp ứng của thư viện trường đối với nhu cầu tin của giảng viên, đánh giá về hiệu quả của hệ thống tìm tin trong thư viện trường, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc lựa chọn hệ thống tìm tin của giảng viên, cách thức tìm kiếm, lưu trữ và chia sẻ thông tin của giảng viên cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng và chia sẻ thông tin của giảng viên.

Từ phân tích kết quả khảo sát, chúng tôi nhận diện bốn loại HVTT cơ bản của giảng viên, đó là: HVTT cá nhân, HVTT phối hợp, HVTT hỗn hợp và HVTT phức hợp.

1.1. Hành vi thông tin cá nhân

Giảng viên thường là cá nhân thực hiện các hoạt động nghiên cứu một cách độc lập. Chẳng hạn, mỗi giảng viên sẽ chủ động tìm kiếm thông tin cũng như sử dụng thông tin

nhằm mục đích cụ thể của cá nhân. HVTT này thường gặp ở những giảng viên đang thực hiện một nghiên cứu nhất định như viết bài báo, tham luận, soạn bài giảng cho môn học mà họ đảm nhiệm. Đồng thời, với HVTT này, giảng viên thường thực hiện một cách chủ động và độc lập, bởi lẽ, họ là người quyết định phạm vi nhu cầu tin của mình, phương thức tìm kiếm thông tin, tổ chức thông tin cũng như sử dụng thông tin nào phù hợp. Đặc biệt, đối với giảng viên có HVTT này, họ thường tự chủ động bố trí thời gian linh hoạt để tìm được thông tin mà mình cần. Nhìn chung, khuynh hướng HVTT cá nhân này thường thấy ở những giảng viên đang trong giai đoạn tự học nâng cao trình độ. Tuy nhiên, ở các hoạt động khác, HVTT của giảng viên cũng thể hiện các đặc điểm này. Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 23 giảng viên là nghiên cứu sinh và 17 học viên cao học được hỏi, có 27 giảng viên (chiếm 67.5%) đã nhận diện và mô tả HVTT của mình là HVTT cá nhân.

Ngoài ra, một trong những biểu hiện dễ nhận thấy trong HVTT cá nhân này chính là trước khi tìm kiếm thông tin từ các nguồn thông tin khác, họ có khuynh hướng tìm kiếm trong bộ sưu tập của cá nhân mà họ có sẵn. Để làm rõ hơn, kết quả khảo sát cho thấy, có 117 lượt giảng viên (chiếm tỷ lệ 26.2%) cho rằng HVTT của họ là HVTT cá nhân. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy giảng viên *“có thể tự tìm kiếm thông tin từ Internet, vì tài liệu trên Internet có rất nhiều và có thể tìm khi có thời gian rảnh rỗi”*.

1.2. Hành vi thông tin phối hợp

Trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên, sự phối hợp được thể hiện qua rất nhiều hoạt động, ví dụ, quá trình chia sẻ, trao đổi thông tin và giải quyết vấn đề cùng nhau. Những hoạt động này được thực hiện bởi nhóm hoặc đội trong cộng đồng học thuật như giữa giảng viên này với giảng viên khác, giữa giảng viên với sinh

viên hoặc các mối quan hệ khác. HVTT phối hợp được định nghĩa là các hoạt động được thực hiện bởi nhóm người nhằm xác định và giải quyết nhu cầu thông tin chung [Poltrick et al., 2003]. HVTT phối hợp cũng được hiểu là “hoạt động tiếp cận thông tin nhằm giải quyết vấn đề mà liên quan trực tiếp (giao tiếp) hoặc gián tiếp (văn bản, ghi chú) đến quá trình tương tác với cá nhân khác. Khi đó, cá nhân đó được xem là một nguồn thông tin liên quan đến quá trình tìm kiếm thông tin trong bối cảnh làm việc hoặc cộng đồng rộng lớn hơn [Hansen & Jarvelin, 2005].

Với HVTT này, mỗi giảng viên thường có sự tương tác với các cá nhân khác như đồng nghiệp, sinh viên, bạn bè, cán bộ thư viện nhằm tìm kiếm thông tin. Cụ thể, họ thường xác định các cá nhân này như một nguồn thông tin khi tìm kiếm (85 lượt ý kiến của giảng viên hoàn toàn đồng ý) và 289 lượt ý kiến đồng ý rằng họ luôn tận dụng các nguồn thông tin khi tìm kiếm như đồng nghiệp bạn bè. Chẳng hạn, khi giảng viên có nhu cầu tìm một tài liệu chuyên ngành mà họ hoạt động, họ thường hỏi đồng nghiệp hỗ trợ bằng cách mượn tài liệu mà đồng nghiệp có sẵn. Ngoài ra, giảng viên có thể nhờ đồng nghiệp mua giúp từ các nhà sách khi họ có chuyến công tác nước ngoài. Đặc biệt, một trong những cách thức mà giảng viên thường thể hiện HVTT phối hợp đó là thông qua các đồng nghiệp đang học tập, nghiên cứu dài hạn tại nước ngoài.

Ngoài ra, HVTT phối hợp của giảng viên còn được thể hiện ở quá trình giảng viên phối hợp với đồng nghiệp, sinh viên và các cá nhân khác nhằm giải quyết vấn đề chung của nhóm. Chẳng hạn, khi cùng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, các cá nhân giảng viên thường có sự phối hợp bằng cách chia sẻ thông tin mà họ tìm được nhằm thực hiện mục tiêu chung mà nhóm đặt ra. Đặc điểm này tương ứng với hành vi của giảng viên khi “sẵn sàng chia sẻ thông tin với mọi người” (39

lượt ý kiến hoàn toàn đồng ý và 410 lượt đồng ý rằng họ sẵn sàng chia sẻ thông tin khi họ có). Kết quả này cho thấy, sự phối hợp của giảng viên được thể hiện không chỉ qua quá trình họ tự tìm kiếm thông tin cho cá nhân, mà còn là sự phối hợp trong chia sẻ thông tin với cộng đồng. Đây là một điểm mạnh nổi bật về HVTT của giảng viên, bởi lẽ điều này hoàn toàn phù hợp với vai trò của mỗi người giảng viên trong môi trường học thuật.

1.3. Hành vi thông tin hỗn hợp

Sự kết hợp đồng thời giữa HVTT cá nhân và HVTT phối hợp là cơ sở hình thành một loại HVTT mang tính chất hỗn hợp, vừa đồng thời mang yếu tố cá nhân của từng giảng viên, đồng thời vừa là sự phối hợp hiệu quả của giảng viên với các cá nhân khác trong cộng đồng học thuật.

Đối với HVTT hỗn hợp này, giảng viên thường khai thác và tận dụng tối đa hiệu quả nguồn thông tin. Đồng thời, bản thân giảng viên cũng có khả năng tự hoàn thiện hành vi của mình trong quá trình thoả mãn nhu cầu tin. Những giảng viên có HVTT này thường cho rằng, trong quá trình tìm kiếm thông tin, họ thường tìm trong ít nhất là 2 nguồn thông tin trở lên (250 lượt giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng họ thường tìm ít nhất là 2 nguồn thông tin trở lên). Trong khi đó, 85 lượt ý kiến trả lời bình thường và có rất ít giảng viên cho rằng họ tiếp cận cả hai nguồn thông tin khi tìm kiếm. Kết quả khảo sát này cho thấy, giảng viên thường nỗ lực tìm kiếm từ nhiều nguồn đáng tin cậy, trong đó bao gồm nguồn thông tin của cá nhân giảng viên và các nguồn khác từ đồng nghiệp, Internet, thư viện của trường nhằm có được thông tin thoả mãn nhu cầu. Ngoài ra, một số giảng viên cũng luôn cần đến sự hỗ trợ của người khác khi tìm kiếm như cán bộ thư viện, đồng nghiệp, bạn bè, ... Tuy nhiên, số lượng giảng viên cần sự hỗ trợ khi tìm kiếm chiếm tỷ lệ không cao (chỉ 125 lượt giảng viên trả lời) và số giảng viên khác thì cho rằng họ không cần

đến sự hỗ trợ đó (265 trả lời là bình thường và 49 lượt giảng viên cho rằng họ không cần đến sự hỗ trợ của người khác khi tìm tin). Điều này cho thấy, giảng viên vừa là người chủ động thực hiện HVTT của mình một cách độc lập, đồng thời cũng là người cần sự trợ giúp của người khác khi tìm kiếm, đặc biệt khi họ cần thoả mãn những nhu cầu tin phức tạp.

Kết quả phỏng vấn giảng viên tại các trường đại học trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh cho thấy, sự hỗ trợ từ phía thư viện là rất cần thiết và hữu ích đối với các giảng viên trong việc tìm kiếm tài liệu và tổ chức, sắp xếp thông tin.

Như vậy, xét ở góc độ nhất định, thì HVTT của giảng viên vừa mang tính chủ động của từng giảng viên, đồng thời vừa có sự tương tác trước, trong hoặc sau khi tìm kiếm thông tin, cũng như tổ chức, sử dụng và chia sẻ thông tin.

1.4. Hành vi thông tin phức hợp

Mỗi cá nhân giảng viên có khả năng thực hiện đồng thời nhiều hoạt động trong cùng một thời điểm. Điều này có thể hiểu là HVTT phức hợp, nghĩa là tập hợp các hành vi mà giảng viên thực hiện đồng thời trong cùng một thời điểm. Chẳng hạn, khi nhu cầu tin nảy sinh, giảng viên sẽ kết hợp tìm kiếm thông tin. Cùng với quá trình tìm kiếm thông tin, họ sẽ chọn lọc những thông tin phù hợp và tiến hành lưu trữ, sử dụng. Hành vi này thường được thực hiện bởi những giảng viên có ít thời gian để tìm và sử dụng thông tin. Ví dụ, khi giảng viên viết bài tạp chí về một vấn đề cụ thể, họ đồng thời vừa tìm tin, vừa chọn lọc và sử dụng thông tin trong bài viết của mình. Ngoài ra, một số kết quả khảo sát cũng cho thấy, khi giảng viên tìm kiếm thông tin về vấn đề cụ thể, họ có khuynh hướng lưu trữ thông tin trong bộ sưu tập cá nhân, đồng thời đọc và sử dụng những thông tin phù hợp cho mục đích cụ thể. Sau đó, họ tiếp tục tìm những thông tin khác.

Có thể thấy, HVTT của giảng viên rất đa dạng, trong đó, căn cứ vào biểu hiện của giảng viên khi tương tác với thông tin, kết quả nghiên cứu đề xuất bốn loại hành vi nổi bật, đó là: HVTT cá nhân, HVTT phối hợp, HVTT hỗn hợp và HVTT phức hợp. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy, từ 447 phiếu trả lời của giảng viên - 39,1% số giảng viên được hỏi có HVTT phối hợp, chiếm tỷ lệ cao nhất. Có 26,2% giảng viên cho rằng HVTT của họ là HVTT cá nhân, nghĩa là họ tìm kiếm, sử dụng thông tin một cách độc lập và chủ động, trong khi có 16,1% giảng viên có HVTT hỗn hợp và 18% có HVTT phức hợp.

Từ thực tiễn nghiên cứu HVTT của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh cho thấy HVTT của giảng viên như sau:

- Thứ nhất, HVTT của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh thể hiện qua sự khác biệt của từng cá nhân giảng viên, đặc điểm nhu cầu tin của giảng viên, hành vi tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin của giảng viên;

- Thứ hai, HVTT của giảng viên chịu tác động từ rất nhiều yếu tố khác nhau, trong đó, vai trò của giảng viên là yếu tố quyết định và ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhu cầu tin của giảng viên, đồng thời thúc đẩy giảng viên tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin. Cụ thể, nhu cầu tin được hình thành dựa trên yêu cầu của hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, quỹ thời gian của giảng viên tác động rất lớn đến hành vi tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin của giảng viên;

- Thứ ba, xuất phát từ việc nhận thức về vai trò của giảng viên trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự học hay phục vụ cộng đồng, ngoài việc chủ động tìm kiếm thông tin, mỗi giảng viên còn có sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin với đồng nghiệp, bạn bè, người học và cộng đồng khoa học nói chung. Chính sự phối hợp này góp phần hình thành

một số loại HVTT của giảng viên bao gồm: HVTT cá nhân, HVTT phối hợp, HVTT hỗn hợp và HVTT phức hợp. Trong đó, HVTT phối hợp của giảng viên được xem là loại hành vi phổ biến trong quá trình giảng viên tìm kiếm và sử dụng thông tin.

Nhằm góp phần khai thác tối đa giá trị của thông tin, hỗ trợ giảng viên thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình, những phân tích trên chính là cơ sở đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện HVTT của giảng viên trong những nội dung nghiên cứu tiếp theo.

2. Một số ưu điểm, hạn chế về hành vi thông tin của giảng viên

Trước hết, quá trình nhận diện nhu cầu tin, hành vi tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin của giảng viên có một vài điểm nổi bật tạo nên những đặc trưng trong HVTT của giảng viên. Những điểm mạnh này góp phần hoàn thiện HVTT của giảng viên trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học của mình.

Giảng viên có trình độ chuyên môn cao. Giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Phần lớn giảng viên đạt tối thiểu trình độ thạc sĩ, có một số ít giảng viên đang trong giai đoạn học tập nâng cao trình độ để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng tin học, sử dụng công nghệ của giảng viên tương đối tốt. Đây là điều kiện thuận lợi giúp giảng viên có thể tìm kiếm, chọn lọc, khai thác và sử dụng đa dạng nguồn tài nguyên thông tin khác nhau (loại hình tài liệu, cách thức tìm kiếm thông tin, khả năng sử dụng hệ thống tìm tin, khả năng tiếp cận, sử dụng thông tin bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trong tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ thông tin).

Giảng viên có khả năng định hướng và xác định nhu cầu tin một cách rõ ràng. Cụ

thể, giảng viên có khả năng nhận diện và giới hạn được phạm vi thông tin mà mình cần (nội dung, loại hình, ngôn ngữ phù hợp với nhu cầu tin).

Giảng viên có khả năng định hướng nguồn thông tin và chọn lọc thông tin để tiết kiệm thời gian, công sức của mình. Đặc biệt, các nguồn thông tin được nhiều giảng viên lựa chọn là đồng nghiệp và Internet.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát HVTT của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh cho thấy bên cạnh những ưu điểm, HVTT của giảng viên vẫn còn những hạn chế cần có những giải pháp để hoàn thiện hơn.

Quý thời gian của giảng viên đối với hoạt động tìm kiếm và sử dụng thông tin là rào cản ảnh hưởng rất lớn đến HVTT của giảng viên. Bởi lẽ, mỗi giảng viên cần có sự phân bổ chủ động và hợp lý thời gian đồng thời cho việc thực hiện nhiều vai trò, nhiệm vụ khác nhau và thời gian dành cho hoạt động tìm kiếm, sử dụng thông tin.

Khả năng tận dụng và khai thác tối đa hiệu quả đa dạng nguồn thông tin của giảng viên còn nhiều hạn chế. Mặc dù đã sử dụng các nguồn thông tin quen thuộc, đáp ứng được một phần nhu cầu tin của mình, giảng viên vẫn chưa khai thác đầy đủ giá trị các nguồn thông tin khác, như: thư viện trường đại học nơi giảng viên đang công tác, thư viện của hệ thống các trường đại học, thư viện khác trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tiêu chí lựa chọn nguồn thông tin quen thuộc cũng tạo nên sự thiếu chủ động và ngại thay đổi trong HVTT của giảng viên, do vậy, làm hạn chế khả năng mở rộng phạm vi tiếp cận các nguồn thông tin khác mà trước đó giảng viên chưa từng sử dụng.

Giảng viên gặp một vài khó khăn trong quá trình lưu trữ, tổ chức, sắp xếp tài liệu trong bộ sưu tập cá nhân. Đôi khi, giảng viên cũng gặp khó khăn khi tìm kiếm thông tin trong chính bộ sưu tập của mình. Một số

giảng viên cũng cần đến sự hỗ trợ của thư viện trường trong quá trình xử lý và tổ chức bộ sưu tập cá nhân mà giảng viên có được (tủ sách cá nhân, thư viện tư nhân).

Sự phối hợp trong HVTT của giảng viên chưa biểu hiện rõ nét. Cụ thể, bắt đầu từ khi giảng viên hình thành nhu cầu tin, xác định nguồn thông tin, tra cứu trong hệ thống tìm tin cho đến khi xử lý, sử dụng thông tin, hầu hết giảng viên đều thực hiện một cách ngẫu nhiên và không có chiến lược cụ thể. Chẳng hạn, chỉ khi chưa tìm được thông tin cần thiết, giảng viên mới nhờ sự hỗ trợ của đồng nghiệp, bạn bè trong và ngoài nhà trường. Điều này đôi khi ảnh hưởng đến hiệu quả tìm kiếm và sử dụng thông tin của giảng viên, gây mất nhiều thời gian và công sức của giảng viên.

3. Giải pháp hoàn thiện hành vi thông tin của giảng viên

Xuất phát từ những hạn chế nêu trên, bài viết trình bày một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện HVTT của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh. Có 3 nhóm giải pháp chính nhằm hoàn thiện HVTT của giảng viên, bao gồm: nhóm giải pháp đối với mỗi giảng viên, nhóm giải pháp đối với nhà trường và nhóm giải pháp đối với thư viện đại học.

Đối với mỗi giảng viên, vấn đề nâng cao nhận thức của giảng viên về vai trò của thư viện đại học đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và tự học là một trong những giải pháp cần được thực hiện. Đây là một giải pháp tương đối khó thực hiện trong bối cảnh các trường đại học hiện nay, do giảng viên chưa đánh giá cao vai trò của thư viện đại học. Điều này có thể xuất phát từ quan điểm, nhận thức và cách đánh giá chủ quan của giảng viên. Chính vì vậy, để thực hiện được giải pháp này, mỗi giảng viên cần tự ý thức được những lợi ích mà thư viện đại học có thể mang đến cho giảng viên. Chẳng hạn, thông qua nguồn lực thông tin của các thư

viện đại học, các giảng viên có thể khai thác, sử dụng hiệu quả và nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của mình. Giải pháp này đòi hỏi ý thức xuất phát từ chính mỗi giảng viên khi giảng viên cho rằng, thư viện đại học chưa thoả mãn được nhu cầu tin của mình do vốn tài liệu hạn chế, không gian chật hẹp, thái độ cán bộ thư viện không phù hợp,... Điều này có nghĩa là giảng viên cần chủ động đề nghị thư viện đại học có những biện pháp điều chỉnh, thay đổi và hỗ trợ kịp thời. Hay nói cách khác, chỉ khi giảng viên đánh giá cao về tầm quan trọng và vai trò của thư viện đại học trong quá trình mỗi giảng viên thực hiện nhiệm vụ trong nhà trường thì thư viện đại học mới hiểu rõ và có thể tác động tích cực, góp phần hoàn thiện HVTT của giảng viên.

Bên cạnh đó, đặc thù của HVTT của giảng viên cũng mang tính phối hợp giữa giảng viên và các đồng nghiệp trong quá trình tìm kiếm, chia sẻ thông tin. Do vậy, mỗi giảng viên cần chủ động xây dựng và phát triển mối quan hệ liên cá nhân của giảng viên trong phạm vi nhà trường và trong cộng đồng chuyên môn cùng lĩnh vực. Điều này rất có ý nghĩa đối với quá trình giảng viên tìm kiếm thông tin để phục vụ nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu, tự học của mình.

Đối với các trường đại học, một số giải pháp cần thực hiện để góp phần hoàn thiện HVTT của giảng viên bao gồm hoàn thiện môi trường làm việc của giảng viên tại các trường đại học ở Tp. Hồ Chí Minh. Môi trường làm việc của nhà trường sẽ góp phần hình thành hành vi của giảng viên đối với nhà trường, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời, nhà trường cần quan tâm xây dựng chính sách hỗ trợ về mặt tinh thần và tài chính cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Để thực hiện nhóm giải pháp này, Ban Giám hiệu các trường đại học cần có những biện pháp cụ thể như đưa ra các chính sách khen thưởng,

hỗ trợ chi phí cho các công trình khoa học, bài viết được đăng tải trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế. Đối với giảng viên, đây cũng là động lực giúp giảng viên hình thành và phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân. Ngoài ra, các trường đại học cũng cần hướng đến xây dựng tiêu chí đánh giá giảng viên, trong đó bao gồm đánh giá năng lực thông tin của giảng viên (như cầu tin, hành vi tìm kiếm thông tin và chia sẻ thông tin của giảng viên).

Đối với thư viện các trường đại học, một số nhóm giải pháp cần được thực hiện nhằm hoàn thiện HVTT của giảng viên nói riêng, HVTT của người dùng tin trong thư viện đại học nói chung. Các thư viện đại học cần chủ động nghiên cứu nhu cầu tin của giảng viên; tăng cường vốn tài liệu phục vụ nhu cầu tin của giảng viên; hoàn thiện chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ TT-TV; tăng cường hoạt động quảng bá của thư viện đại học đối với giảng viên; xây dựng không gian phục vụ giảng viên; phát triển đội ngũ cán bộ thư viện hỗ trợ giảng viên; phối hợp xây dựng hệ thống liên thư viện với khoa, bộ môn; ... Điều quan trọng đối với các thư viện đại học là cần xác định giải pháp cốt lõi và khả thi để hoàn thiện HVTT của giảng viên. Các thư viện đại học cần chú trọng đến nhóm giải pháp quảng bá nguồn lực thông tin của thư viện đến với giảng viên. Mặc dù các thư viện đại học hiện nay cũng đã quan tâm rất nhiều cho hoạt động quảng bá đến người dùng tin nói chung, giảng viên nói riêng, tuy nhiên, số lượng giảng viên khai thác và sử dụng nguồn lực thông tin của thư viện chưa cao. Chính vì vậy, thư viện đại học cần xác định, xây dựng, phát triển và quảng bá những thế mạnh của mình đến giảng viên. Chẳng hạn, các thư viện đại học có thể xây dựng "Bộ sách lưu động" trực tiếp đến các giảng viên tại các khoa; phát triển các sản phẩm, dịch vụ gắn liền với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên như tổ chức, cung cấp tài liệu theo chuyên

đề mà giảng viên đang quan tâm; quảng bá các nhóm dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu như cung cấp số liệu nghiên cứu, dữ liệu thứ cấp theo chủ đề mà giảng viên đang nghiên cứu bằng cách các thư viện đại học có thể liên kết với các tổ chức, cá nhân, thư viện, cơ quan thông tin liên quan. Những biện pháp đòi hỏi các thư viện đại học mất rất nhiều thời gian và nguồn nhân lực để phục vụ. Tuy nhiên, với đặc trưng HVTT của giảng viên tại các trường đại học hiện nay cho thấy, cần thực hiện giải pháp trên để kích thích giảng viên có thể tiếp cận đến các nguồn lực thông tin của thư viện nhiều hơn.

Kết luận

Nhìn chung, HVTT của giảng viên có những đặc trưng riêng biệt mang yếu tố cá nhân hay phối hợp. Tuy nhiên, việc hoàn thiện HVTT cần có sự tác động tích cực và toàn diện hơn từ phía bản thân mỗi giảng viên, từ nhà trường và từ các thư viện đại học, trong đó vai trò của thư viện là vô cùng quan trọng. Khi HVTT của mỗi giảng viên hoàn thiện sẽ là nhân tố thúc đẩy giảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thúc đẩy sự phát triển chung của các trường đại học và góp phần nâng cao chất lượng trong nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Poltrock, S., Grudin, J., Dumais, S. T., Fidel, R., Bruce, H., and Pejtersen, A. M. (2003). *Information seeking and sharing in design teams*. In Proceedings of ACM Group Conference, pp. 239-247, Sanibel Islands, FL.
2. Hansen, P. & Järvelin, K. (2005). Collaborative Information Retrieval in an information-intensive domain. *Information Processing and Management*, 41(5), 1101-1119.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-10-2017; Ngày phản biện đánh giá: 20-01-2018; Ngày chấp nhận đăng: 25-02-2018).